

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

-----*-----

NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN

**HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ
ĐÁNH VÀO TÀI SẢN Ở VIỆT NAM**

Chuyên ngành: *Kinh tế tài chính - ngân hàng*

Mã số: 62 31 12 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2008

Công trình được hoàn thành tại

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS, TS Lê Văn Ái**
- 2. PGS, TS Đỗ Đức Minh**

Phản biện 1: PGS, TS Lưu Thị Hương

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Phản biện 2: PGS, TS Phạm Ngọc Ánh

Học viện Tài chính

Phản biện 3: PGS, TS Lê Huy Trọng

Kiểm toán Nhà nước

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước
họp tại: Học viện Tài chính

Vào hồi 15 giờ 00 ngày 05 tháng 06 năm 2008

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Tài chính

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Thuế đánh vào tài sản là loại thuế ra đời từ rất sớm trong lịch sử thuế khoá và có vai trò quan trọng trong hệ thống thuế của các quốc gia nhất là các quốc gia có nền kinh tế phát triển. Xu hướng chung của tất cả các quốc gia hiện nay là tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách thuế nói chung và chính sách thuế đánh vào tài sản nói riêng. Việt Nam cũng đang nằm trong xu hướng chung đó.

Lý luận về về tài sản và thuế đánh vào tài sản ngày càng được hoàn thiện. Tuy nhiên, vẫn còn các vấn đề cần phải làm sáng tỏ như cơ sở của việc đánh thuế vào tài sản, các khả năng và hình thức thuế đánh vào tài sản.

Việt Nam đã có những bước tiến mạnh mẽ về kinh tế, khả năng nộp thuế là tài sản của người dân đã hình thành. Bên cạnh đó, sự hội nhập đầy đủ và toàn diện vào nền kinh tế thế giới của Việt Nam đã đặt ra những đòi hỏi cấp thiết về cải cách chính sách kinh tế, chính sách thuế nói chung và chính sách thuế đánh vào tài sản nói riêng.

Chính sách thuế và các khoản thu vào tài sản hiện hành ở Việt Nam đã có những vai trò nhất định trong hệ thống thuế, tuy nhiên vẫn chưa rõ nét, chưa đảm bảo được các yêu cầu về bao quát nguồn thu, công bằng xã hội, hiệu quả quản lý... Do đó, việc nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng chính sách thuế và các khoản thu có tính chất thuế đánh vào tài sản hiện hành của Việt Nam, đánh giá những ưu điểm, những hạn chế để đưa ra các giải pháp nhằm đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản là rất cần thiết về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Ở Việt Nam, thời gian qua đã có các công trình nghiên cứu về thuế tài sản. Đó là 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ của Bộ Tài chính: “*Mô hình thuế tài sản ở Việt Nam*” năm 1995 do Trần Xuân Thắng làm chủ biên và đề tài “*Nghiên cứu thuế tài sản áp dụng tại Việt Nam trong những năm tới*” năm 2002 do Phó Giáo sư, Tiến sĩ Quách Đức Pháp làm chủ biên. Các đề tài này đã nghiên cứu những nội dung về thuế tài sản và đã đưa ra phương hướng xây dựng chính sách thuế tài sản ở Việt Nam. Tuy nhiên, trong phạm vi của mình, các đề tài này chủ yếu tập trung vào các vấn đề thực tiễn và chỉ ra các khả năng áp dụng trong thực tế phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam tại thời điểm nghiên cứu mà chưa tập trung phân tích sâu về lý luận cũng như các giải pháp cụ thể để thực hiện quá trình hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam trong dài hạn.

Tính đến thời điểm này, chưa có luận án tiến sĩ kinh tế nào nghiên cứu về đề tài này.

Với các căn cứ nêu trên, đề tài luận án được chọn là **“Hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam”** đảm bảo được tính cấp thiết và không trùng lặp với các đề tài đã nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu và phát triển các lý luận cơ bản về tài sản và thuế đánh vào tài sản. Trong đó, làm rõ khái niệm về tài sản, phân biệt tài sản với các thuật ngữ kinh tế có liên quan; phân tích cơ sở của việc đánh thuế vào tài sản; chỉ ra các khả năng đánh thuế vào tài sản; xác định hình thức, các yếu tố của thuế đánh vào tài sản và các nguyên tắc thiết lập các yếu tố đó.

- Đánh giá chính sách thuế và các khoản thu có tính chất thuế đánh vào tài sản hiện hành ở Việt Nam. Đồng thời, xem xét chính sách thuế đánh vào tài sản của một số quốc gia để rút ra các bài học kinh nghiệm cho quá trình đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam.

- Đề xuất các giải pháp đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam. Nghiên cứu, phân tích, xây dựng những nội dung cơ bản của các sắc thuế đánh vào tài sản có thể được hình thành và áp dụng tại Việt Nam. Đề xuất các điều kiện cụ thể để thực hiện các giải pháp đó.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các nội dung lý luận về tài sản, thuế đánh vào tài sản, chính sách thuế và các khoản thu có tính chất thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam. Luận án cũng xem xét các quy định của pháp luật về tài sản, các chính sách quản lý tài sản của Việt Nam, chính sách thuế đánh vào tài sản của một số quốc gia để so sánh, đối chiếu, vận dụng vào Việt Nam, phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Trên cơ sở mục đích và đối tượng nghiên cứu đó, luận án chỉ tập trung vào nghiên cứu việc xây dựng và hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam. Về vấn đề tổ chức thực hiện chính sách, luận án chỉ đưa ra những đánh giá tổng quát nhằm phân tích tính khả thi của chính sách mà không đi sâu vào nội dung tổ chức, triển khai thực hiện các chính sách đó.

4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Về khoa học, luận án đã nghiên cứu, phân tích một cách đầy đủ và có hệ thống các vấn đề lý luận về tài sản và thuế đánh vào tài sản. Luận án chỉ rõ các khả năng đánh thuế vào tài sản, phân biệt rạch ròi chính sách thuế đánh vào tài sản và các chính sách thuế khác, nêu và phân tích các nguyên tắc thiết lập những yếu tố cơ bản của thuế đánh vào tài sản làm cơ sở lý luận quan trọng cho việc xây dựng, đổi mới và hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam. Bên cạnh đó, luận án đã xem xét, đối chiếu và rút ra những đánh giá về việc áp dụng thuế đánh vào tài sản của một số

quốc gia làm bài học kinh nghiệm cho quá trình đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Về thực tiễn, luận án phân tích một cách đầy đủ, chi tiết thực trạng về chính sách thuế và các khoản thu có tính chất thuế đánh vào tài sản hiện hành ở Việt Nam, chỉ ra được những kết quả đạt được, những điểm còn hạn chế. Luận án cũng đã hệ thống được các quan điểm, chương trình, kế hoạch trong việc phát triển kinh tế - xã hội, trong việc quản lý, kiểm soát và điều tiết đối với tài sản của Đảng và Nhà nước, trên cơ sở đó đề xuất được các giải pháp nhằm đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam và các giải pháp điều kiện đảm bảo thực hiện thành công các giải pháp đổi mới, hoàn thiện đó.

5. Kết cấu luận án

Luận án gồm 3 chương, được trình bày trong 193 trang, không kể phần mở đầu và kết luận.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TÀI SẢN VÀ THUẾ ĐÁNH VÀO TÀI SẢN

1.1. Lý luận về tài sản

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm tài sản

Trong phần này, luận án đã phân tích và trình bày khái niệm về tài sản. Trên cơ sở xem xét ý nghĩa thông dụng và các cách hiểu cụ thể về tài sản, các định nghĩa về tài sản của các nhà kinh tế, của các từ điển và các tài liệu về kinh tế, luận án đã có các bình luận, phân tích và đưa ra khái niệm về tài sản: *Tài sản là tất cả các nguồn lực có thực, hữu hình hoặc vô hình gồm các vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản của một chủ thể tại một thời điểm nhất định, có khả năng mang lại lợi ích cho chủ thể đó.*

Tài sản có 4 đặc điểm cơ bản là: tài sản luôn có giá trị; tài sản luôn gắn với một chủ thể nhất định; tài sản luôn có tính thời điểm; tài sản có thể chuyển giao được trong giao dịch dân sự.

Trên cơ sở khái niệm và các đặc điểm của tài sản, luận án đã so sánh, phân biệt thuật ngữ tài sản với các thuật ngữ khác như của cải, thu nhập, vốn, hàng hoá. Việc so sánh, phân biệt các thuật ngữ này là rất cần thiết và quan trọng đối với việc thiết lập các chính sách liên quan đến tài sản, đảm bảo tính rõ ràng, đầy đủ, tránh sự chồng chéo, trùng lặp.

1.1.2. Phân loại tài sản

Luận án đã trình bày 6 cách phân loại tài sản chủ yếu gồm: *Theo nguồn hình thành tài sản*, tài sản được chia thành tài sản do thiên nhiên tạo ra và tài sản do con người tạo ra. *Theo chủ thể sở hữu tài sản*, tài sản được chia thành tài sản quốc gia, tài sản tập thể và tài sản cá nhân. *Theo tính chất vận*

động của tài sản, tài sản được chia thành bất động sản và động sản. *Theo hình thái biểu hiện*, tài sản được chia thành: tài sản hữu hình và tài sản vô hình, tài sản là vật tiêu hao và tài sản là vật không tiêu hao, tài sản cố định và tài sản lưu động. *Theo yêu cầu quản lý của Nhà nước*, tài sản được chia thành tài sản thuộc diện quản lý của Nhà nước và tài sản không thuộc diện quản lý của Nhà nước. *Theo quan hệ của tài sản với chủ thể quản lý tại một thời điểm*, tài sản được chia thành tài sản sở hữu, tài sản sử dụng và tài sản chuyển dịch

Đối với từng cách phân loại tài sản, luận án đã phân tích các nội dung cụ thể có gắn với việc hoạch định chính sách quản lý, điều tiết và chính sách thuế đánh vào tài sản.

1.2. Những vấn đề lý luận cơ bản về thuế đánh vào tài sản

Trong phần này, luận án đi sâu phân tích các nội dung lý luận cơ bản nhất về thuế đánh vào tài sản như cơ sở của việc đánh thuế vào tài sản; đặc điểm, vai trò của thuế đánh vào tài sản. Đồng thời, luận án cũng đi sâu phân tích những vấn đề lý luận rất quan trọng, cần chú ý đặc biệt trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản như xác định các khả năng đánh thuế vào tài sản, xác định các hình thức thuế đánh vào tài sản, phân tích nguyên tắc đánh thuế vào tài sản và nguyên tắc thiết lập các yếu tố cơ bản của một sắc thuế đánh vào tài sản...

1.2.1. Thuế đánh vào tài sản và cơ sở của việc đánh thuế vào tài sản

Luận án đã trình bày bản chất của thuế, các khái niệm về thuế, cách phân loại thuế có liên quan đến loại thuế đánh vào tài sản và đã định nghĩa: *Thuế đánh vào tài sản là tên gọi chung chỉ các sắc thuế lấy giá trị của tài sản làm căn cứ tính thuế.*

Luận án đã phân tích, chỉ ra cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đánh thuế vào tài sản tập trung chủ yếu vào các nội dung sau:

Thứ nhất, thuế đánh vào tài sản tồn tại bên cạnh thuế thu nhập và thuế tiêu dùng đảm bảo bao quát được nguồn thu và các yêu cầu cơ bản của hệ thống thuế. Hiện nay trên thế giới, tất cả các quốc gia đều thiết kế hệ thống thuế với các sắc thuế khác nhau điều tiết vào các dạng tồn tại khác nhau của thu nhập, trong đó có thuế đánh vào tài sản. Cách đánh thuế này sẽ bao quát được các khả năng đánh thuế; thực hiện dễ dàng vì mức thu thấp, vừa phải, thuế do nhiều đối tượng khác nhau nộp vào nhiều thời điểm khác nhau; các sắc thuế bổ sung cho nhau vừa thực hiện được mục tiêu đánh thuế vừa ngăn ngừa khả năng tránh thuế.

Thứ hai, việc đánh thuế vào tài sản là hoàn toàn hợp lý khi xét theo các nguyên tắc đánh thuế đang được các quốc gia công nhận và áp dụng. Cụ thể:

Theo *nguyên tắc đánh thuế theo khả năng nộp thuế*, người nào có khả năng nộp thuế sẽ bị đánh thuế trên cơ sở khả năng nộp thuế của mình. Ba yếu tố cơ bản thể hiện khả năng nộp thuế của người nộp thuế là mức thu nhập, mức chi tiêu và tài sản. Trong đó, tài sản được coi là yếu tố thể hiện rõ ràng và đầy đủ nhất khả năng nộp thuế của chủ sở hữu, do đó, những người có tài sản phải có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

Theo *nguyên tắc đánh thuế theo lợi ích được hưởng*, những chủ thể nào nhận được các khoản lợi ích từ sự đầu tư của Nhà nước phải thực hiện bồi hoàn một phần chi phí đầu tư cho Nhà nước theo các hình thức, trong đó có hình thức nộp thuế. Tài sản của một chủ thể được bảo tồn, phát triển, gia tăng giá trị và sinh lời là do được thừa hưởng những lợi ích từ các hàng hoá, dịch vụ công cộng mà Nhà nước đầu tư. Do đó, các chủ thể này cần phải đóng góp một khoản tiền nhất định cho Nhà nước để trang trải các chi phí mà Nhà nước đã chi ra, trong đó có khoản thuế đánh vào tài sản.

Thứ ba, việc đánh thuế vào tài sản góp phần làm hoàn thiện hệ thống chính sách thuế của các quốc gia, giúp Nhà nước thực hiện các chính sách điều tiết kinh tế vĩ mô khác của mình. Thuế đánh vào tài sản sẽ góp phần quản lý và điều tiết mối quan hệ giữa tiêu dùng, đầu tư và tiết kiệm của các chủ thể trong nền kinh tế; đảm bảo được yêu cầu công bằng trong đánh thuế; quản lý, kiểm soát được tài sản trong dân cư...

1.2.2. Đặc điểm của thuế đánh vào tài sản

- *Thuế đánh vào tài sản là thuế trực thu*: chủ thể sở hữu tài sản là các đối tượng phải nộp khoản thuế này và số thuế họ phải nộp được trích ra từ các khoản lợi ích họ nhận được từ việc sở hữu, sử dụng tài sản chịu thuế.

- *Thuế đánh vào tài sản luôn có mối liên hệ chặt chẽ với khả năng, điều kiện, hoàn cảnh của người chịu thuế*: thuế đánh vào tài sản điều tiết trực tiếp vào lợi ích của các chủ sở hữu, sử dụng tài sản, do đó để đảm bảo tính công bằng, hợp lý của việc đánh thuế, Nhà nước luôn phải phân tích, xem xét đến các khả năng, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của chủ thể nộp thuế (*đồng thời cũng là người chịu thuế*).

- *Thuế đánh vào tài sản, nhất là các bất động sản thường dễ thực hiện*: những người có tài sản giá trị lớn thường có tâm lý là muốn được Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp và các lợi ích của họ. Ngoài ra, các bất động sản có tính cố định, hiển hiện. Điều này làm cho các sắc thuế đánh vào tài sản, nhất là các bất động sản được thực thi dễ dàng hơn.

1.2.3. Vai trò của thuế đánh vào tài sản

- *Thuế đánh vào tài sản góp phần đảm bảo công bằng xã hội*: khi đánh thuế vào tài sản, những người có điều kiện và giá trị tài sản như nhau phải đóng góp khoản thuế này cho NSNN như nhau và người có tài sản nhiều

hơn phải nộp khoản thuế này nhiều hơn, với tỷ lệ cao hơn. Điều này đã làm cho việc đóng thuế của các chủ thể này trở nên công bằng hơn.

- *Thuế đánh vào tài sản góp phần quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế - xã hội*: Thuế đánh vào tài sản góp phần quản lý và điều tiết mối quan hệ giữa thu nhập, đầu tư, tiêu dùng, tiết kiệm, tích trữ; khuyến khích đầu tư, tăng cường trang thiết bị cho sản xuất, kinh doanh, thiết thực phục vụ yêu cầu quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế của Nhà nước. Bên cạnh đó, thông qua việc đánh thuế vào tài sản, Nhà nước thực hiện được việc quản lý, kiểm soát, điều tiết đối với tài sản trong nền kinh tế - xã hội, các hành vi sở hữu, sử dụng hay chuyển nhượng tài sản của các chủ thể; khuyến khích các chủ thể sử dụng tài sản một cách hợp lý, có hiệu quả. Thuế này còn giúp Nhà nước hướng dẫn, quản lý và định hướng quá trình tạo dựng, sử dụng các loại tài sản trong dân cư, góp phần đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững; bảo vệ môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng.

- *Thuế đánh vào tài sản là nguồn thu quan trọng của NSNN*: trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, tổng giá trị tài sản của quốc gia ngày càng tăng kéo theo sự gia tăng lượng tài sản của các cá nhân trong quốc gia đó. Đây chính là cơ sở kinh tế quan trọng đem lại nguồn thu ngày càng lớn của chính sách thuế đánh vào tài sản.

1.2.4. Các khả năng đánh thuế vào tài sản

Khả năng đánh thuế là cơ sở kinh tế của các chủ thể trong xã hội mà Nhà nước có thể điều tiết bằng các sắc thuế nhằm đảm bảo được các yêu cầu của hệ thống thuế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của quốc gia. Khả năng đánh thuế có thể được xác định theo các tiêu chí như đối tượng chịu thuế và sự vận động của đối tượng chịu thuế, chủ thể nộp thuế và khả năng kinh tế của chủ thể nộp thuế, cơ sở tính thuế...

Luận án xem xét các khả năng đánh thuế vào tài sản dựa trên chủ thể sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản; giá trị của tài sản và sự vận động của tài sản; mối quan hệ giữa tài sản với chủ thể sở hữu, sử dụng, quản lý. Cách tiếp cận này sẽ chỉ rõ hơn các khả năng đánh thuế, cách thức đánh thuế, tài sản chịu thuế và các chủ thể nộp thuế.

Thứ nhất, đối với tài sản sở hữu, các khả năng đánh thuế bao gồm:

- Hoạt động tạo dựng và đăng ký quyền sở hữu tài sản (*giá trị của tài sản tạo dựng và đăng ký quyền sở hữu*): chủ sở hữu khi tạo dựng nên tài sản là bắt đầu có khả năng nộp thuế. Do đó, Nhà nước có thể đánh thuế vào việc tạo dựng tài sản này. Các tài sản chịu thuế là các tài sản phải đăng ký quyền sở hữu với cơ quan quản lý nhà nước, nên khả năng đánh thuế đầy đủ và rõ ràng của Nhà nước là hoạt động tạo dựng và đăng ký quyền sở hữu

tài sản. Thuế này đánh vào giá trị của tài sản tạo dựng nên và được chủ sở hữu thực hiện đăng ký quyền sở hữu tài sản với cơ quan quản lý nhà nước.

- Giá trị của tài sản sở hữu: giá trị tài sản thể hiện đầy đủ nhất khả năng nộp thuế của chủ sở hữu. Do vậy, thuế đánh vào tài sản có thể thực hiện hàng năm khi đánh vào giá trị của tài sản sở hữu.

- Giá trị tăng thêm của tài sản: giá trị tăng thêm của tài sản là phần giá trị gia tăng của tài sản do sự đầu tư từ bên trong của chủ thể hoặc do các yếu tố bên ngoài. Nếu thuế đánh vào giá trị tài sản sở hữu được thực hiện và giá tính thuế được xác định hàng năm thì thuế này đã điều tiết đến cả phần giá trị tăng thêm của tài sản này rồi.

Ngoài ra thuế đánh vào tài sản sở hữu sẽ bao gồm cả các khoản thuế đánh vào tài sản sử dụng, thuế đánh vào tài sản chuyển dịch dưới đây.

Thứ hai, đối với tài sản sử dụng, các khả năng đánh thuế bao gồm:

- Hoạt động đăng ký quyền sử dụng tài sản: nếu tài sản thuộc sở hữu quốc gia được giao cho các chủ thể khác sử dụng thì chủ thể đó phải thực hiện đăng ký quyền sử dụng tài sản của mình. Khi đăng ký, chủ thể sử dụng này được Nhà nước giao quyền sử dụng tài sản và bảo vệ quyền sử dụng đó, đồng thời họ được hưởng các lợi ích từ việc sử dụng tài sản của quốc gia nên họ phải có nghĩa vụ đóng góp khoản thuế này cho Nhà nước.

- Hoạt động sử dụng tài sản (*giá trị quyền sử dụng tài sản*): tài sản trong quá trình sử dụng sẽ mang lại các lợi ích cho chủ thể sử dụng (*và cả chủ thể sở hữu*), các khoản lợi ích này chính là các khả năng có thể đánh thuế. Cơ sở tính thuế sẽ là giá trị quyền sử dụng tài sản.

Thứ ba, đối với tài sản chuyển dịch:

- Đối với chủ thể chuyển dịch tài sản: nếu việc chuyển dịch này mang tính chất kinh doanh, chủ thể này sẽ phải nộp các khoản thuế gián thu cho hoạt động bán hàng của mình và nộp thuế thu nhập đối với thu nhập nhận được từ hoạt động kinh doanh này, chủ thể này không phải chịu các khoản thuế đánh vào tài sản nữa. Nếu việc chuyển dịch này không mang tính chất kinh doanh, khi đó, chủ thể này đã chuyển giao khả năng nộp thuế (*là tài sản*) của mình cho chủ thể khác. Chính vì vậy, họ cũng sẽ không phải chịu các khoản thuế đánh vào tài sản đó nữa.

- Đối với chủ thể nhận tài sản chuyển dịch: họ bắt đầu có khả năng nộp thuế là giá trị (*hoặc giá trị sử dụng*) của tài sản mà họ vừa tiếp nhận. Khi đó, họ sẽ bắt đầu chịu sự điều tiết của các sắc thuế đánh vào tài sản như thuế đánh vào việc tạo dựng, đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, thuế đánh vào giá trị tài sản, giá trị quyền sử dụng tài sản như đã nêu ở trên.

1.2.5. Các hình thức thuế đánh vào tài sản

Thuế đánh vào tài sản bao gồm thuế đánh một lần và thuế đánh hàng năm. *Thuế đánh một lần* là sắc thuế đánh vào hoạt động tạo dựng và đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản. *Thuế đánh hàng năm* là các sắc thuế đánh vào giá trị tài sản hoặc giá trị quyền sử dụng tài sản trong quá trình sở hữu, sử dụng tài sản của các chủ thể sở hữu, sử dụng tài sản chịu thuế.

Về hình thức cụ thể, thuế đánh vào tài sản có thể được xây dựng dưới các hình thức sau:

- *Thuế tạo dựng và đăng ký tài sản*: còn có tên gọi là thuế đăng ký tài sản. Thuế này đánh một lần vào giá trị tài sản chịu thuế tại thời điểm tài sản đó được tạo dựng và chủ sở hữu tài sản thực hiện đăng ký quyền sở hữu tài sản với cơ quan quản lý nhà nước.

- *Thuế đánh vào giá trị tài sản chịu thuế của cá nhân*: thuế này đánh hàng năm vào toàn bộ giá trị tài sản chịu thuế của cá nhân trong năm tính thuế. Có thể thiết kế một sắc thuế đánh tổng hợp trên giá trị của các loại tài sản khác nhau hoặc thiết kế thành các sắc thuế riêng biệt điều tiết vào giá trị của từng loại tài sản chịu thuế cụ thể.

- *Thuế đánh vào giá trị tài sản ròng của cá nhân*: thuế này tương tự như thuế đánh trên giá trị tài sản chịu thuế của cá nhân nhưng giá tính thuế là giá trị tài sản ròng, tức là tổng giá trị tài sản trừ đi các khoản nợ vay liên quan đến việc hình thành tài sản.

- *Thuế đánh vào đất*: ở những nước coi đất là hàng hoá và có thể mua bán, trao đổi quyền sở hữu đất trên thị trường thì thuế đánh vào đất có tên gọi là thuế đất. Ngược lại, ở những nước đất đai thuộc sở hữu quốc gia, Nhà nước giao cho các đối tượng trong xã hội sử dụng và người sử dụng đất có thể mua bán trao đổi quyền sử dụng đất thì thuế này sẽ đánh vào quyền sử dụng đất và thường có tên gọi là thuế sử dụng đất.

- *Thuế đánh vào nhà và vật kiến trúc trên đất*: nhà, vật kiến trúc trên đất là các tài sản có giá trị lớn, cố định, dễ kiểm soát và đánh thuế nên hầu hết các nước đều có hình thức thuế này. Thuế này đánh trên giá trị của nhà và công trình kiến trúc chịu thuế. Thuế đánh vào đất và thuế đánh vào nhà, vật kiến trúc trên đất có thể gộp lại chung thành thuế bất động sản.

Ngoài ra, đối với tài sản là các phương tiện giao thông, là các tài sản Nhà nước cần quản lý xét về phương diện giá trị cũng như các vấn đề về an toàn giao thông, ô nhiễm môi trường, an ninh xã hội... có thể xây dựng sắc thuế riêng đánh vào việc sở hữu và sử dụng các tài sản này.

1.2.6. Các yếu tố cơ bản của một sắc thuế đánh vào tài sản và nguyên tắc thiết lập

Luận án đã chỉ ra và phân tích sơ bộ các nguyên tắc đánh thuế vào tài sản, gồm các nguyên tắc: đánh thuế theo khả năng nộp thuế, đánh thuế

theo lợi ích được hưởng, đánh thuế trên cơ sở tài sản hiện hữu và đánh thuế theo tình trạng cư trú. Các nguyên tắc nói trên cũng được đề cập đến trong việc phân tích các yếu tố cơ bản của thuế đánh vào tài sản và nguyên tắc thiết lập. Các nội dung chủ yếu của các yếu tố này là:

- *Tên gọi*: tên gọi phải dễ nhớ, dễ hiểu và phải gắn với một đặc trưng cụ thể nào đó của sắc thuế đó. Thông thường, tên gọi của các sắc thuế đánh vào tài sản thể hiện đối tượng chịu thuế của các sắc thuế đó.

- *Phạm vi áp dụng*:

+ *Đối tượng chịu thuế*: là các tài sản thuộc diện điều chỉnh của sắc thuế đánh vào tài sản. Cơ cấu tài sản chịu thuế phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội; mục tiêu, quan điểm quản lý, điều tiết tài sản trong dân cư; khả năng thực hiện của bộ máy quản lý thu thuế; mục đích sử dụng tài sản; chủ thể sở hữu tài sản.

+ *Đối tượng không chịu thuế*: là các tài sản không thuộc nhóm các tài sản thuộc diện chịu thuế và các tài sản thuộc nhóm tài sản chịu thuế nhưng vì những lý do nhất định không chịu sự điều tiết của các sắc thuế. Những lý do đó thường liên quan đến chủ thể sở hữu, sử dụng tài sản; mục đích sử dụng tài sản; mức giá trị tính thuế của tài sản; các lý do khác theo thông lệ chung hoặc quan điểm riêng trong điều tiết tài sản của các quốc gia...

+ *Đối tượng nộp thuế*: là chủ sở hữu các tài sản chịu thuế.

+ *Đối tượng không phải nộp thuế*: là các chủ thể không sở hữu các tài sản chịu thuế và các chủ thể khác có sở hữu các tài sản chịu thuế nhưng vì điều kiện, hoàn cảnh, mục đích hoặc thông lệ chung sẽ không phải nộp khoản thuế này.

- *Căn cứ tính thuế*

+ *Cơ sở tính thuế*: là giá trị tài sản chịu thuế hay giá trị quyền sử dụng tài sản chịu thuế. Đối với một số tài sản đặc thù cơ sở tính thuế có thể là một đơn vị vật lý (*số lượng, trọng lượng, kích thước*) của tài sản chịu thuế. Trong đó, phổ biến là lấy giá trị tài sản làm cơ sở tính thuế. Giá trị tài sản thông thường thể hiện số lượng tiền cần thiết để có được tài sản đó và có thể được xác định dựa trên các yếu tố sau đây:

Giá thị trường của tài sản tại thời điểm tính thuế: là giá trị tài sản khi đem mua bán, trao đổi, chuyển nhượng trên thị trường phù hợp với quy luật cung cầu về tài sản.

Giá trị ấn định: trong nhiều trường hợp tài sản bị đánh thuế không phải qua giao dịch, mua bán hoặc giá trị kê khai trên chứng từ có sự chênh lệch quá xa so với giá trị trung bình phổ biến trên thị trường thì giá tính thuế của tài sản sẽ được ấn định.

Giá trị ròng của tài sản: việc sử dụng giá trị tính thuế này xuất phát từ quan điểm thuế đánh vào tài sản là đánh trên giá trị tài sản thực của các chủ sở hữu, tức là khả năng nộp thuế thực tế, chứ không phải đánh trên phần giá trị tài sản đi vay mượn.

Giá trị quyền sử dụng tài sản: thuế đánh vào giá trị sử dụng của tài sản thì cơ sở tính thuế là giá trị quyền sử dụng tài sản. Hiện nay, phổ biến cho cách đánh thuế này là thuế đánh vào đất (*quyền sử dụng đất*) ở một số nước coi đất không được thực hiện mua bán quyền sở hữu trên thị trường mà chỉ có thể mua bán quyền sử dụng mà thôi.

+ Mức thuế: các sắc thuế đánh vào tài sản thường được thiết kế mức thuế theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị tính thuế của tài sản. Để đảm bảo tính công bằng trong điều tiết, thuế suất của loại thuế này có thể xây dựng theo biểu thuế lũy tiến, tuy nhiên, nếu việc xác định giá tính thuế của tài sản theo các loại tài sản, mục đích sử dụng tài sản cũng đã bao hàm tính lũy tiến thì có thể áp dụng thuế suất tỷ lệ thống nhất.

Thuế suất thuế đánh vào tài sản thường được xây dựng theo các hướng: thuế đánh hàng năm nên xây dựng mức thuế suất thấp; thuế đánh trên giá trị tài sản ròng của cá nhân hàng năm nên xây dựng biểu thuế lũy tiến để đảm bảo tính công bằng; thuế đánh một lần khi tạo dựng, đăng ký quyền sở hữu tài sản nên xây dựng mức thuế suất cao hơn thuế suất của thuế đánh hàng năm. Tuy nhiên, đối với những tài sản mà ngoài việc chịu thuế đăng ký tài sản còn phải chịu thuế đánh vào tài sản hàng năm thì mức thuế suất sẽ xây dựng thấp hơn so với mức thuế suất đối với các tài sản khác.

- *Miễn thuế, giảm thuế*: thuế đánh vào tài sản là loại thuế có mối liên hệ chặt chẽ đến khả năng, điều kiện, hoàn cảnh của người chịu thuế, do vậy thuế này thường có các trường hợp miễn thuế, giảm thuế. Trong thiết kế chính sách miễn thuế, giảm thuế, nên hạn chế ở mức thấp nhất các trường hợp miễn, giảm vì lý do xã hội. Đối với các trường hợp chính sách xã hội này, có thể dùng các chính sách trợ cấp qua NSNN để giải quyết, không nên giải quyết lồng ghép trong chính sách thuế.

- *Các thủ tục thực hiện đối với các chủ thể liên quan*: quy định trách nhiệm, quyền hạn, các công việc mà các chủ thể liên quan phải thực hiện và trình tự, cách thức thực hiện cũng như những vấn đề liên quan đến việc thực hiện các nội dung công việc đó. Đây chính là các căn cứ pháp lý quan trọng để cơ quan quản lý thuế và các đối tượng liên quan thực hiện, là cơ sở để thực hiện tốt chính sách thuế.

Phần cuối chương 1, luận án đã tóm lược các nội dung đã trình bày và khẳng định rõ đây là các nội dung rất quan trọng làm cơ sở lý luận cho việc xây dựng, đổi mới và hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản.

Chương 2

CHÍNH SÁCH THUẾ ĐÁNH VÀO TÀI SẢN HIỆN HÀNH Ở VIỆT NAM VÀ KINH NGHIỆM SỬ DỤNG CHÍNH SÁCH THUẾ ĐÁNH VÀO TÀI SẢN Ở CÁC NƯỚC

2.1. Tài sản, chính sách quản lý tài sản, chính sách thuế và các khoản thu vào tài sản hiện hành ở Việt Nam

Trong phần này, luận án đã hệ thống tất cả các chính sách quản lý tài sản, chính sách thuế và các khoản thu có tính chất thuế đối với tài sản hiện hành ở Việt Nam. Nội dung được trình bày theo từng loại tài sản, bao gồm tài sản là đất đai; tài sản là nhà và vật kiến trúc trên đất; tài sản là tài nguyên thiên nhiên và các tài sản thuộc sở hữu nhà nước; các tài sản khác thuộc diện Nhà nước quản lý; tài sản thừa kế; tài sản là quà tặng, quà biếu.

Nhìn chung, các loại tài sản thuộc diện quản lý, điều tiết bằng các chính sách kinh tế ở Việt Nam không nhiều, chủ yếu là đất đai và nhà ở. Chính sách quản lý tài sản ở Việt Nam chưa đồng bộ, chỉ mới tập trung ở một số tài sản Nhà nước cần và có thể quản lý được. Còn thiếu nhiều chính sách quản lý đối với các loại tài sản có khả năng điều tiết. Ở Việt Nam hiện nay, có nhiều sắc thuế và khoản thu liên quan đến tài sản nhưng có các sắc thuế và khoản thu mang tính chất thuế đánh vào tài sản là Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Thuế nhà, đất; Lệ phí trước bạ.

2.2. Đánh giá về chính sách thuế và các khoản thu có tính chất thuế đánh vào tài sản hiện hành ở Việt Nam

2.2.1. Những kết quả đạt được

Luận án đã phân tích và nêu ra những kết quả đạt được của chính sách thuế và các khoản thu có tính chất thuế đánh vào tài sản hiện hành ở Việt Nam là: bao quát được một số tài sản có giá trị lớn và các tài sản Nhà nước cần quản lý; góp phần huy động nguồn thu cho NSNN; góp phần quản lý, kiểm soát tài sản trong dân cư; góp phần đảm bảo công bằng xã hội

2.2.2. Những vấn đề còn hạn chế

- *Về hình thức thuế*: chưa có sắc thuế đầy đủ, rõ ràng đánh một lần vào quá trình tạo dựng, đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản. Các sắc thuế đánh hàng năm mới chỉ điều tiết đối với quyền sử dụng đất dưới hình thức thuế đất và thuế sử dụng đất nông nghiệp. Những tài sản có giá trị lớn khác như nhà, vật kiến trúc trên đất và các tài sản khác chưa được điều tiết hàng năm.

- *Về phạm vi điều chỉnh*: việc xác định các đối tượng chịu thuế của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp và Pháp lệnh thuế nhà, đất chưa được rõ ràng, chưa có các quy định đầy đủ về các diện tích đất đã thuộc diện nộp tiền thuê đất, đất chuyển nhượng quyền sử dụng hợp pháp từ người khác hoặc được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng không có

nguồn gốc từ NSNN... Điều này gây ra sự thiếu căn cứ pháp lý và việc xử lý dễ đi vào tùy tiện, gây khiếu kiện kéo dài khi có tranh chấp.

- Về xác định các căn cứ tính thuế:

+ Việc xác định giá tính thuế đối với đất không thống nhất: đất chịu thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế đất xác định giá trị quyền sử dụng đất theo hạng đất tương ứng với từng loại đất; còn đất chịu lệ phí trước bạ xác định theo giá thị trường. Việc phân hạng đất rất khó khăn vì thiếu tính thực tế. Mặt khác, thuế đất được tính bằng thóc và thu bằng tiền gây tâm lý không ổn định cho người sử dụng đất vì giá thóc thường xuyên biến động; hơn nữa, trong điều kiện hiện nay, giá cả quyền sử dụng đất có xu hướng tăng còn giá cả hàng nông sản lại có xu hướng giảm, do đó, việc thu thuế đối với đất khi xác định theo các căn cứ trên như vậy sẽ không phù hợp.

+ Đối với tài sản là nhà, lệ phí trước bạ được tính dựa vào giá trị thực tế trên thị trường của nhà tính lệ phí trước bạ, hoặc dựa vào cấp nhà, hạng nhà và giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định, có tính đến tỷ lệ hao mòn của nhà theo thời gian đã sử dụng. Việc quy định tỷ lệ hao mòn của nhà để xác định giá tính thuế cũng chưa gắn với mức sử dụng thực tế, mục đích sử dụng và chế độ khấu hao tài sản cố định hiện hành. Mặt khác, lệ phí trước bạ cũng chưa có quy định cụ thể về thời điểm đăng ký quyền sở hữu và nộp lệ phí trước bạ, do vậy, có thể khi đăng ký, giá trị nhà xác định theo nhà tạm, nhưng sau đó được xây dựng mới, cao cấp hơn nhưng lại không phải đăng ký trước bạ nữa.

+ Đối với các tài sản khác (*tàu, thuyền, ô-tô, xe máy, súng săn, súng thể thao*), giá trị tính lệ phí trước bạ xác định theo giá thực tế mua bán trên thị trường theo các hoá đơn, chứng từ hợp pháp. Trên thực tế, việc quản lý các tài sản này chưa đảm bảo chặt chẽ và đầy đủ, ý thức của người dân chưa cao, giá cả thị trường luôn biến động, nên việc quy định giá tính thuế nói trên cùng với hiệu quả công tác quản lý chưa cao nên khả năng thất thu ở khoản thu này còn tương đối lớn.

+ Việc xác định mức thuế đối với đất được xây dựng khác nhau giữa các khoản thu và cũng khác nhau ngay trong cùng một khoản thu. Đối với tài sản là nhà, các công trình kiến trúc: hiện tại chỉ chịu khoản lệ phí trước bạ một lần ở thời điểm đăng ký quyền sở hữu với tỷ lệ thu 1% trên giá trị nhà tính thuế nên còn điều tiết thấp, còn bình quân, chưa đảm bảo yêu cầu công bằng theo chiều dọc. Đối với các tài sản khác thuộc diện chịu lệ phí trước bạ, tỷ lệ thu cũng đang quy định một mức chung thống nhất cho từng loại tài sản, điều này cũng chưa đảm bảo công bằng giữa những người có điều kiện, hoàn cảnh khác nhau, các tài sản có trị giá khác nhau...

- *Về miễn thuế, giảm thuế*: còn nhiều quy định miễn thuế, giảm thuế theo diện chính sách xã hội; quy định miễn thuế, giảm thuế còn rất phức tạp, khó xác định lại không thống nhất. Tất cả các quy định đó đã làm cho chính sách thuế, khoản thu vào tài sản ở Việt Nam phức tạp và gặp nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện.

- *Về cơ chế quản lý thu*: việc thu thuế đối với đất dựa nhiều vào chính quyền địa phương nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu về trình độ, năng lực, cơ chế phối hợp. Đối với các tài sản khác còn tập trung thu ở cấp Cục thuế gây khó khăn cho các đối tượng nộp thuế

- *Về các vấn đề khác*: các quy định miễn trừ thuế còn nhiều; chưa có các quy định về tránh đánh trùng thuế trong thuế đánh vào tài sản; cơ chế phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước khác chưa rõ ràng, chặt chẽ.

2.3. Thuế đánh vào tài sản ở một số quốc gia và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

2.3.1. Thuế đánh vào tài sản ở một số quốc gia

Luận án đã sưu tầm, tìm hiểu và trình bày sơ lược ở phần này các nội dung chính sách của những sắc thuế đánh vào tài sản chủ yếu của 3 quốc gia là Pháp, Indonesia và Đài Loan. Luận án chọn 3 quốc gia này bởi vì các quốc gia này có các điều kiện khác nhau, hệ thống chính sách thuế không đồng nhất với nhau và phần nào đại diện cho các điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau. Trong đó, Pháp là quốc gia có nền kinh tế phát triển, đại diện cho các quốc gia phát triển; Indonesia là quốc gia có điều kiện kinh tế tương đồng với Việt Nam và Đài Loan là quốc gia đã có hệ thống chính sách thuế đánh vào tài sản rất lâu đời. Việc xem xét chính sách thuế đánh vào tài sản ở các quốc gia này cho phép rút ra những kinh nghiệm bổ ích cho Việt Nam ở điều kiện hiện tại cũng như trong tương lai.

2.3.2. Những bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam

Qua những nội dung lý luận về thuế đánh vào tài sản và kinh nghiệm áp dụng loại thuế này ở một số quốc gia, luận án rút ra được một số bài học kinh nghiệm liên quan đến việc xây dựng, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam như sau:

- *Về các sắc thuế đánh vào tài sản có thể áp dụng*: luận án đã xem xét, đối chiếu, phân tích từng sắc thuế và kết luận: các hình thức thuế đánh vào tài sản có thể xây dựng ở Việt Nam bao gồm: thuế đánh vào việc đăng ký tài sản; thuế đánh vào quyền sử dụng đất; thuế đánh vào nhà và vật kiến trúc trên đất; thuế đánh vào các phương tiện giao thông.

- *Về cách thức xác định giá trị tài sản chịu thuế*: giá trị tài sản chịu thuế xác định theo giá trị thị trường trên cơ sở các giấy tờ hợp pháp liên

quan đến việc chuyển nhượng tài sản. Trong một số trường hợp, giá trị tính thuế được xác định theo giá ấn định của cơ quan có thẩm quyền.

- *Về xác định thuế suất:* có thể áp dụng biểu thuế suất lũy tiến hoặc thuế suất thống nhất tùy theo các mục tiêu và cách thức quản lý cụ thể.

- *Về xác định các trường hợp miễn thuế, giảm thuế:* quy định các đối tượng, các trường hợp, mức miễn trừ, miễn, giảm thuế phải dựa vào các cơ sở lý luận, sự đồng bộ trong hệ thống các chính sách, đời sống dân cư, các mục tiêu quản lý cụ thể.

- *Về thu nộp thuế:* thuế đăng ký tài sản sẽ đánh một lần; thuế đánh vào quyền sử dụng đất, thuế đánh vào nhà, phương tiện giao thông sẽ thu hàng năm. Việc quản lý thu thuế do cơ quan thuế địa phương nơi phát sinh các giao dịch hoặc có các tài sản chịu thuế đảm nhận. Nguồn thu từ thuế có thể được sử dụng cho ngân sách địa phương hoặc được phân bổ giữa các cấp ngân sách theo các quy định của Luật NSNN.

Phần cuối chương 2, luận án đã tóm lược các nội dung đã trình bày và khẳng định rõ đây là các cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc xây dựng, đổi mới và hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam.

Chương 3

ĐỔI MỚI, HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH THUẾ ĐÁNH VÀO TÀI SẢN Ở VIỆT NAM

3.1. Bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước chi phối việc hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam

3.1.1. Bối cảnh kinh tế thế giới

Luận án chỉ ra hai điểm nổi bật nhất của bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay có tác động tới việc cải cách và hoàn thiện chính sách thuế nói chung, chính sách thuế đánh vào tài sản nói riêng ở các quốc gia là sự hình thành nền kinh tế tri thức và xu hướng hội nhập quốc tế. Bên cạnh đó, xu hướng xây dựng hệ thống chính sách thuế và công tác quản lý thuế trên thế giới hiện nay cũng có tác động chi phối việc hoạch định chính sách thuế nói trên. Đó là các xu hướng: giảm số lượng thuế suất và mức thuế suất, mở rộng diện chịu thuế; giảm dần tỷ trọng thuế trực thu, tăng tỷ trọng thuế gián thu ở các nước phát triển và ngược lại ở các nước đang phát triển; tiến trình hiện đại hoá công tác dự báo, quản lý và thu thuế.

3.1.2. Bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước

Những điểm mới nổi bật nhất của nền kinh tế Việt Nam hiện nay có thể được đánh giá trên các giác độ cụ thể như sau:

- *Về thể chế nền kinh tế:* nền kinh tế Việt Nam đang tiếp tục con đường chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Trong điều kiện đó, tư duy tiếp cận các vấn đề kinh tế, xây dựng các chính sách kinh tế, chính sách

thuế nói chung, chính sách thuế đánh vào tài sản nói riêng đều phải dựa trên các quy luật, các nguyên tắc của kinh tế thị trường.

- ***Về trạng thái nền kinh tế:*** Việt Nam đang trong thời kỳ công nghiệp hoá. Các chính sách kinh tế ở Việt Nam nói chung, các chính sách tài chính và chính sách thuế nói riêng phải có cách tiếp cận phù hợp để đảm bảo thực hiện được mục tiêu công nghiệp hoá đưa nước ta thoát khỏi tình trạng nước nghèo, đảm bảo tính bền vững của sự phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trong nước, phát triển cơ sở hạ tầng...

- ***Về hội nhập kinh tế quốc tế:*** hội nhập kinh tế quốc tế đang đặt ra cho Việt Nam rất nhiều cơ hội và thách thức trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng các chính sách kinh tế nói chung, chính sách thuế nói riêng, trong đó có chính sách thuế đánh vào tài sản.

Luận án đã nêu và phân tích các nguyên tắc của WTO chi phối đến việc hoạch định các chính sách kinh tế nói chung, chính sách thuế nói riêng được đặt ra cho các quốc gia. Đó là 3 nguyên tắc chủ yếu: không phân biệt đối xử; thực hiện tự do hoá; công khai, minh bạch.

Trên cơ sở bối cảnh chung đó, luận án đã chỉ rõ những nội dung xây dựng, đổi mới và hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản của Việt Nam sẽ chịu sự tác động của bối cảnh đó. Đó là: về đối tượng nộp thuế; về tài sản chịu thuế; về xác định giá tính thuế; về việc hợp tác, phối hợp, trao đổi thông tin với cơ quan thuế, cơ quan hải quan ở các quốc gia.

3.2. Mục tiêu, yêu cầu của việc đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam

3.2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

Luận án đã hệ thống các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam theo Nghị quyết Đại hội X của Đảng cộng sản Việt Nam. Việc quản lý, phát triển, điều tiết đối với tài sản trong xã hội nói chung, đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản nói riêng phải luôn luôn xem xét, tuân thủ và chấp hành các mục tiêu, nhiệm vụ này.

3.2.2. Quan điểm, mục tiêu phát triển, quản lý, điều tiết đối với tài sản ở Việt Nam

Luận án đã nêu ra các quan điểm lớn chỉ đạo về đất đai của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX và các quan điểm, mục tiêu nhằm quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả, hình thành thị trường bất động sản có sự quản lý của Nhà nước. Các đường lối, quan điểm này là các cơ sở quan trọng để xây dựng, đổi mới và hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở nước ta.

3.2.3. Quan điểm, mục tiêu, định hướng hoàn thiện hệ thống chính sách thuế ở Việt Nam

Luận án đã nêu những nội dung cơ bản nhất của Kế hoạch cải cách và hiện đại hóa hệ thống thuế Việt Nam giai đoạn 2005 - 2010. Theo Kế hoạch này, nội dung cải cách thuế có bao gồm việc ban hành mới các sắc thuế, trong đó có thuế sử dụng đất và thuế tài sản. Kế hoạch này là cơ sở thực tiễn, cơ sở pháp lý quan trọng để hoàn thiện chính sách thuế nói chung và chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam nói riêng.

3.2.4. Mục tiêu, yêu cầu chủ yếu của việc đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam

- Mục tiêu của việc hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam

Thứ nhất, thuế đánh vào tài sản phải đáp ứng mục tiêu công bằng trong việc phân phối lại thu nhập của các chủ thể nộp thuế thông qua điều tiết vào giá trị các tài sản chịu thuế.

Thứ hai, thuế đánh vào tài sản phải đạt được mục tiêu hiệu quả trong đánh thuế.

Thứ ba, phải tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý, điều hành về tài sản cũng như toàn bộ nền kinh tế - xã hội.

Thứ tư, phải có tác dụng nâng cao nghĩa vụ đóng góp cũng như ý thức đóng góp của các chủ sở hữu, chủ sử dụng tài sản.

Thứ năm, phải góp phần đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ của hệ thống thuế và đảm bảo tính nhất quán, đồng bộ với các chính sách kinh tế khác.

- Yêu cầu chủ yếu của việc hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam

Thứ nhất, phải bao quát được hết các khả năng nộp thuế của dân cư trong xã hội, đặc biệt là các tài sản có giá trị lớn, các tài sản Nhà nước cần quản lý phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng quản lý ở các thời kỳ nhất định.

Thứ hai, mức động viên phải được xây dựng hợp lý, phù hợp với khả năng đóng góp của các chủ sở hữu, sử dụng tài sản, yêu cầu về nguồn thu ngân sách, vừa nâng cao hiệu quả quản lý thu thuế về mặt kinh tế vừa có tác động khuyến khích quá trình tạo dựng và sử dụng tài sản tiết kiệm, hiệu quả.

Thứ ba, phải được xây dựng và thực hiện một cách đơn giản, dễ hiểu, dễ làm, dễ kiểm tra.

Thứ tư, phải đảm bảo yêu cầu phù hợp với thông lệ quốc tế trong điều kiện hội nhập.

Thứ năm, phải có các quy định phù hợp với các chính sách kinh tế khác liên quan đến tài sản của Nhà nước.

3.3. Các giải pháp đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam

3.3.1. Phát triển và hoàn thiện khoản thu lệ phí trước bạ thành Luật thuế đăng ký tài sản

- *Thuế đăng ký tài sản là sắc thuế đánh vào giá trị các tài sản khi được chủ sở hữu thực hiện đăng ký quyền sở hữu với cơ quan quản lý nhà nước.*

- *Cơ sở của giải pháp:* hiện tại ở Việt Nam, thuế đăng ký tài sản đã phần nào thể hiện ở khoản thu lệ phí trước bạ. Để đổi mới, hoàn thiện hình thức thuế này, có thể thực hiện theo hai hướng sửa đổi và phát triển lệ phí trước bạ. *Thứ nhất*, tách tính chất thuế của khoản thu này ra hình thành thuế đánh vào các tài sản chịu thuế và đổi tên khoản thu này thành lệ phí đăng ký tài sản. *Thứ hai*, phát triển tính chất thuế của lệ phí trước bạ, hình thành Luật thuế đăng ký tài sản. Luận án đã phân tích và chỉ rõ: hướng thứ hai phù hợp với Việt Nam và có tính khả thi hơn. Luật thuế đăng ký tài sản là hình thức thuế được sửa đổi và phát triển từ lệ phí trước bạ hiện hành.

- *Mục tiêu chủ yếu:* thuế đăng ký tài sản phải quản lý được các tài sản quan trọng trong dân cư, góp phần bảo đảm trật tự kỷ cương trong tạo lập, chuyển dịch tài sản, tạo căn cứ cho việc xây dựng một số chính sách về kinh tế - xã hội của Nhà nước; góp phần động viên một phần thu nhập của tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc diện phải đăng ký, đảm bảo công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế, tạo nguồn thu cho NSNN.

- *Yêu cầu chủ yếu:* thuế đăng ký tài sản phải tạo điều kiện thuận lợi cho người có tài sản thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình, có mức điều tiết phù hợp với từng loại tài sản; rõ ràng, minh bạch, hiệu quả; đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với các chính sách quản lý tài sản, chính sách tài chính khác đối với tài sản trong thời gian tới.

- *Phạm vi điều chỉnh*

+ *Đối tượng chịu thuế:* bao gồm hai loại. Loại thứ nhất là tài sản chịu thuế bắt buộc, gồm các tài sản thuộc diện bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu với cơ quan nhà nước có thẩm quyền (*nhà, đất, ô-tô, xe máy, tàu, thuyền, máy bay, súng săn, súng thể thao*). Loại thứ hai là tài sản chịu thuế tự nguyện, tức là các tài sản Nhà nước không bắt buộc chủ sở hữu phải đăng ký quyền sở hữu nhưng các chủ thể này tự nguyện đăng ký để được Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp của mình (*các tài sản tài chính, tài sản vô hình*).

+ *Đối tượng nộp thuế:* là các tổ chức, cá nhân khi mua sắm, xây dựng mới; khi được chuyển nhượng các tài sản thuộc diện chịu thuế phải thực hiện đăng ký quyền sở hữu của mình với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các đối tượng có tài sản có nguyện vọng được đăng ký quyền sở hữu để được Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mình.

+ Đối tượng không thuộc diện chịu thuế: được quy định như các đối tượng không phải chịu lệ phí trước bạ hiện nay.

- *Căn cứ tính thuế*: bao gồm giá tính thuế và thuế suất.

+ Giá tính thuế: là giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm tính thuế được xác định trên cơ sở các chứng từ pháp lý liên quan đến việc tạo lập, chuyển nhượng, mua bán tài sản. Trong một số trường hợp, tài sản có giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định thì giá tính thuế dựa trên các chứng từ pháp lý nêu trên không được thấp hơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định.

+ Thuế suất: quy định theo tỷ lệ phần trăm trên giá tính thuế, phân biệt theo các loại tài sản khác nhau và có xem xét đến mục đích sử dụng tài sản. Hướng xây dựng là áp dụng thuế suất thấp đối với các tài sản sẽ chịu thuế hàng năm, các tài sản còn lại chỉ chịu thuế một lần khi đăng ký quyền sở hữu sẽ áp dụng thuế suất cao hơn.

Ngoài ra, luận án cũng đã đề cập, phân tích và đưa ra các ý kiến về việc xây dựng các nội dung khác của sắc thuế này như quy định về kê khai, nộp thuế; miễn thuế, giảm thuế và các quy định khác.

Khi xây dựng Luật thuế đăng ký tài sản, luận án đã phân tích các giải pháp hoàn thiện tiếp theo. Cụ thể là nên xây dựng một sắc thuế tài sản đánh vào giá trị của các tài sản chịu thuế hay xây dựng các sắc thuế khác nhau đánh vào giá trị của các tài sản chịu thuế khác nhau. Luận án đã phân tích và lựa chọn cách thứ hai, tức là sẽ xây dựng các sắc thuế khác nhau đánh vào giá trị các tài sản chịu thuế khác nhau. Phân tích này là cơ sở để đưa ra các giải pháp tiếp theo.

3.3.2. Thống nhất và hoàn thiện chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất trong thuế nhà, đất thành Luật thuế sử dụng đất

- *Thuế sử dụng đất là sắc thuế đánh hàng năm vào tài sản là quyền sử dụng đất.*

- *Cơ sở của giải pháp*: hiện nay, Việt Nam có hai sắc thuế đánh vào quyền sử dụng đất là thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất trong thuế nhà, đất. Thuế sử dụng đất nông nghiệp dựa trên diện tích, hạng đất và định suất thuế để tính thuế; thuế đất dựa trên diện tích, vị trí và mức thuế sử dụng đất nông nghiệp để tính thuế. Như vậy, hai sắc thuế này đều có chung căn cứ tính thuế nên chúng có thể nhập lại thành một. Điều này sẽ giúp cho hệ thống thuế đơn giản hơn, không bị chồng chéo, dễ tính toán, dễ quản lý và dễ hiểu, đồng thời tạo sự thuận tiện cho việc so sánh, phân tích, đánh giá, thiết kế thuế suất, đảm bảo chính sách thuế đối với đất đai được rõ ràng, công bằng và đồng bộ. Ngoài ra, thuế sử dụng đất thống nhất còn đảm

bảo mục tiêu quản lý quỹ đất một cách đầy đủ, đảm bảo nguồn thu ổn định và bền vững cho NSNN.

- *Mục tiêu chủ yếu*: thuế sử dụng đất phải đảm bảo quản lý tốt đất đai, khuyến khích sử dụng đất có hiệu quả; thúc đẩy sản xuất phát triển, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phát triển kinh tế ở nông thôn; góp phần quan trọng trong việc quản lý và ổn định thị trường bất động sản; động viên công bằng, hợp lý thu nhập của người sử dụng đất vào NSNN.

- *Những yêu cầu chủ yếu*: thuế sử dụng đất phải bao quát tất cả các đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế, đảm bảo tính hiệu quả, công bằng trong đánh thuế; căn cứ tính thuế phải khoa học, phù hợp với nền kinh tế thị trường phát triển; đơn giản, dễ hiểu và đảm bảo tính hiệu quả, tính công bằng tự động khi nền kinh tế có biến đổi.

- *Phạm vi điều chỉnh*:

+ Đất chịu thuế sử dụng đất: luận án đã phân tích và làm rõ: đất sử dụng vào sản xuất nông nghiệp, đất ở trong hạn mức nên đưa vào diện chịu thuế sử dụng đất; đất được Nhà nước cho thuê đã nộp tiền thuê đất không phải chịu thuế sử dụng đất. Luận án xác định: đất thuộc diện chịu thuế sử dụng đất là tất cả các diện tích đất đã được Nhà nước giao quyền sử dụng cho các tổ chức, cá nhân sử dụng dưới mọi hình thức.

+ Đất không thuộc diện chịu thuế sử dụng đất: luận án đã phân tích và chỉ ra 10 loại đất không thuộc diện chịu thuế sử dụng đất, các loại đất khác đều là đối tượng chịu thuế này.

+ Đối tượng nộp thuế sử dụng đất: là các đối tượng đã được cấp quyền sử dụng đất hoặc đang thực tế có sử dụng diện tích đất chịu thuế.

- *Căn cứ tính thuế sử dụng đất*: Thuế sử dụng đất có căn cứ tính thuế là diện tích đất tính thuế, giá đất tính thuế và thuế suất.

+ Diện tích đất tính thuế: là toàn bộ diện tích đất chịu thuế thực tế sử dụng của các tổ chức, cá nhân nộp thuế.

+ Giá đất tính thuế: là giá trị bằng tiền của quyền sử dụng đất đối với một diện tích đất xác định trong một thời hạn sử dụng đất xác định phù hợp với giá cả hình thành trên thị trường và phản ánh được khả năng sinh lợi của đất. Luận án phân tích và xác định: giá đất tính thuế sẽ được hình thành trên cơ sở giá cả thị trường về quyền sử dụng đất hoặc là giá do cơ quan nước có thẩm quyền quy định phù hợp với giá cả thị trường và khả năng sinh lợi của đất.

+ Thuế suất: luận án đã đưa ra các yêu cầu về xây dựng thuế suất thuế sử dụng đất, đưa ra 3 phương án khác nhau về thiết kế thuế suất của sắc thuế này, *thứ nhất*, chỉ sử dụng một mức thuế suất chung để áp dụng cho tất cả các loại đất; *thứ hai*, xây dựng ít nhất hai mức thuế suất khác nhau

phân biệt theo mục đích sử dụng đất là đất dùng trong sản xuất, kinh doanh và đất dùng để ở; *thứ ba*, xây dựng nhiều mức thuế suất khác nhau theo mục đích sử dụng đất và đối với phần diện tích đất ở sẽ có sự phân biệt thuế suất giữa diện tích trong hạn mức và diện tích vượt hạn mức. Cụ thể: thuế suất thấp đối với đất nông nghiệp; thuế suất cao hơn đối với đất phi nông nghiệp; đối với đất ở, phần diện tích trong hạn mức áp dụng thuế suất thấp hơn so với phần diện tích vượt hạn mức. Luận án đã phân tích và đưa ra ý kiến là chọn phương án thứ ba, cơ sở của việc lựa chọn phương án này đã được luận án phân tích theo các luận cứ cụ thể.

Ngoài ra, luận án cũng đã đề cập, phân tích và đưa ra các ý kiến về việc xây dựng các nội dung khác của sắc thuế này như quy định về kê khai, nộp thuế; miễn thuế, giảm thuế và các quy định khác.

3.3.3. Nghiên cứu ban hành Luật thuế nhà

- *Thuế nhà là sắc thuế đánh hàng năm vào giá trị nhà và vật kiến trúc trên đất*

- *Cơ sở hình thành*: thuế đánh vào nhà đã từng tồn tại ở Việt Nam nhưng do điều kiện kinh tế - xã hội nên không được áp dụng nữa. Ngày nay, lượng tài sản là nhà, vật kiến trúc đã gia tăng, tạo ra khả năng nộp thuế của các đối tượng sở hữu. Đồng thời, chênh lệch giàu nghèo giữa người dân ở nông thôn và ở đô thị gia tăng đáng kể. Bên cạnh đó, hoạt động của thị trường bất động sản đang rất khó quản lý, gây ra sự lũng đoạn, đầu cơ, bất bình đẳng về phân phối nhà ở. Vì vậy, bên cạnh các chính sách quản lý về nhà ở, cần thiết phải ban hành Luật thuế nhà để kiểm kê, kiểm soát, quản lý quỹ nhà ở, khuyến khích sử dụng quỹ nhà ở hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện công bằng xã hội, thu hẹp khoảng cách chênh lệch về thu nhập, tài sản, đời sống của các tầng lớp dân cư, huy động nguồn thu cho NSNN.

- *Mục tiêu chủ yếu*: thuế nhà phải quản lý được quỹ nhà ở, các vật kiến trúc; điều tiết hợp lý vào những người có tài sản là nhà ở và vật kiến trúc trên đất, đảm bảo tính công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ của các đối tượng nộp thuế, khuyến khích sử dụng quỹ nhà ở có hiệu quả; quản lý và điều tiết được hoạt động của thị trường bất động sản ở Việt Nam

- *Yêu cầu chủ yếu*: thuế nhà phải được xây dựng và triển khai với các bước đi thích hợp, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng đóng góp của người nộp thuế; đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, phù hợp với dân trí trung bình trong xã hội.

- *Phạm vi điều chỉnh*

+ *Đối tượng chịu thuế*: là những ngôi nhà chất lượng cao, có giá trị lớn vượt quá một mức quy định. Mức giá trị khởi điểm tính thuế được xác định

theo từng giai đoạn khác nhau theo điều kiện kinh tế - xã hội của từng giai đoạn đó. Các trường hợp không thuộc diện chịu thuế bao gồm: nhà thuộc sở hữu nhà nước, thuộc sở hữu của các tổ chức tôn giáo, cộng đồng dân cư; nhà chuyên dùng sử dụng cho mục đích công cộng, tôn giáo, phúc lợi, an ninh, quốc phòng, ngoại giao không nhằm mục đích kinh doanh; nhà làm trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước.

+ Đối tượng nộp thuế: là chủ sở hữu nhà xác định theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Trường hợp không xác định được chủ sở hữu nhà hoặc có sự tranh chấp về quyền sở hữu nhà thì đối tượng đang trực tiếp sử dụng nhà phải nộp thuế nhà.

- *Căn cứ tính thuế*: thuế nhà được xác định dựa trên ba căn cứ là diện tích tính thuế, giá tính thuế và thuế suất.

+ Diện tích tính thuế: là toàn bộ diện tích nhà chịu thuế, bao gồm diện tích nhà chính (*để ở, làm việc, sản xuất, kinh doanh*) và tổng diện tích công trình phụ (*bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, hành lang, ban công*).

+ Giá tính thuế: là giá do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định được xây dựng dựa trên từng loại nhà, cấp nhà theo các tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng; đồng thời có tham khảo các mức giá trị thị trường của các loại nhà, cấp nhà tương đương.

+ Thuế suất: xây dựng thuế suất thuế nhà ở mức thấp (*dưới 0,5%*) áp dụng chung cho các tài sản chịu thuế không phân biệt mục đích sử dụng. Khi khả năng quản lý và thực thi chính sách cho phép, có thể xây dựng các mức thuế suất phân biệt theo mục đích sử dụng của tài sản chịu thuế.

Ngoài ra, luận án cũng đã đề cập, phân tích và đưa ra các ý kiến về việc xây dựng các nội dung khác của sắc thuế này như quy định về kê khai, nộp thuế; miễn thuế, giảm thuế và các quy định khác.

3.3.4. Nghiên cứu ban hành Luật thuế phương tiện giao thông

- *Thuế phương tiện giao thông là sắc thuế đánh hàng năm vào việc sở hữu và sử dụng các phương tiện giao thông của các chủ thể trong xã hội..*

- *Cơ sở của giải pháp*: phương tiện giao thông là các tài sản được coi là có giá trị lớn của người dân Việt Nam, thể hiện được khả năng nộp thuế của chủ sở hữu nên Nhà nước có thể đánh thuế vào các tài sản này. Mặt khác, quá trình sở hữu, sử dụng các tài sản này sẽ có các tác động nhất định đối với các vấn đề xã hội như ô nhiễm môi trường, mất an toàn giao thông, ý thức tôn trọng pháp luật... nên cần thiết phải có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Thông qua thuế phương tiện giao thông, Nhà nước sẽ quản lý, kiểm soát được các phương tiện này và quá trình sử dụng chúng, từ đó có điều chỉnh kịp thời để khuyến khích sử dụng tài sản hợp lý, hiệu quả, đảm bảo môi trường sinh thái, an toàn giao thông và các vấn đề xã hội

khác, đồng thời huy động nguồn thu cho NSNN, đảm bảo công bằng xã hội và nâng cao ý thức đóng góp cũng như ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Ngoài ra, cùng với các chính sách khác như đăng kiểm, thu phí cầu đường, kiểm tra hành chính, thuế phương tiện giao thông có thể được thực hiện dễ dàng, đảm bảo tính khả thi.

- *Mục tiêu chủ yếu:* thuế phương tiện giao thông phải bao quát và điều tiết được các loại phương tiện giao thông, góp phần thực hiện các chính sách liên quan như bảo vệ môi trường, an toàn giao thông, quản lý trật tự, kỷ cương đô thị; động viên bình đẳng thu nhập của các chủ sở hữu các phương tiện giao thông vào NSNN, góp phần khuyến khích sử dụng tài sản tiết kiệm, có hiệu quả cao.

- *Yêu cầu chủ yếu:* thuế phương tiện giao thông phải đơn giản, rõ ràng, minh bạch; phải xây dựng trong mối quan hệ hữu cơ với Luật thuế đăng ký tài sản, các quy định về đăng kiểm, bảo vệ môi trường, an toàn giao thông...

- *Phạm vi áp dụng:*

+ Đối tượng chịu thuế: là các loại phương tiện giao thông, bao gồm xe máy, ô-tô, tàu, thuyền, máy bay. Riêng các loại xe máy và các loại thuyền chỉ chịu thuế khi chúng có giá trị cao, công suất phân khối lớn. Còn các tài sản như ô-tô, tàu, máy bay sẽ thuộc diện chịu thuế này mà không phân biệt mức giá trị của chúng.

+ Đối tượng không chịu thuế: là các phương tiện thuộc sở hữu nhà nước, tài sản sử dụng cho các tổ chức, cơ quan nhà nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài, phương tiện giao thông của các cơ sở, tổ chức tôn giáo hay được sử dụng chung không kinh doanh... như các trường hợp tài sản không thuộc diện chịu thuế đăng ký tài sản. Ngoài ra, đối tượng không chịu thuế còn bao gồm các phương tiện như xe máy, thuyền có công suất động cơ nhỏ, có giá trị không vượt quá mức khởi điểm tính thuế.

+ Đối tượng nộp thuế: là các chủ sở hữu phương tiện giao thông chịu thuế, trường hợp không xác định được chủ sở hữu thì chủ thể trực tiếp sử dụng các phương tiện chịu thuế sẽ phải kê khai, nộp loại thuế này.

- *Căn cứ tính thuế:* luận án chỉ ra rằng, việc xác định các căn cứ tính thuế của thuế phương tiện giao thông phải dựa vào mục đích cụ thể của sắc thuế này. Nếu chỉ nhằm điều tiết thu nhập thì căn cứ tính thuế là giá trị phương tiện tính thuế và thuế suất. Nếu chỉ nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường thì căn cứ tính thuế là các yếu tố của phương tiện gây ô nhiễm và mức thuế xây dựng theo các yếu tố đó. Nếu nhằm đến cả hai mục đích thì phải kết hợp giữa giá trị tính thuế và các yếu tố trên. Luận án đã phân tích và lựa chọn căn cứ tính thuế là giá trị tính thuế và thuế suất, trong đó thuế suất phân biệt theo thời gian sử dụng và mục đích sử dụng của phương tiện.

+ Giá tính thuế: được xác định theo từng loại phương tiện trên cơ sở giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm tính thuế hoặc giá trị ấn định được đưa ra bởi cơ quan định giá tính thuế trên cơ sở hiện trạng thực tế của phương tiện và mức giá của tài sản cùng loại, cùng hiện trạng đã hình thành trên thị trường. Giá tính thuế của một phương tiện được ổn định trong một thời gian ngắn và sẽ thay đổi phù hợp với thời gian, mức độ sử dụng và giá thực tế của tài sản tại các thời điểm tính thuế.

+ Thuế suất: thuế suất thuế phương tiện giao thông nên xây dựng ở mức thấp, có phân biệt theo từng loại phương tiện chịu thuế, thời gian sử dụng và mục đích sử dụng.

- *Các nội dung khác*: Luật thuế phương tiện giao thông đánh hàng năm như thuế sử dụng đất và thuế nhà nên các quy định của Luật thuế này như kê khai, nộp thuế, miễn giảm thuế và các nội dung khác được xây dựng tương tự như hai Luật thuế trên.

Như vậy, thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam sẽ được đổi mới, hoàn thiện theo hướng áp dụng bốn sắc thuế là thuế đăng ký tài sản, thuế sử dụng đất, thuế nhà và thuế phương tiện giao thông. Quá trình thực hiện các giải pháp trên là quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam. Quá trình này phải được tiến hành theo một lộ trình cụ thể, thời điểm ban hành các sắc thuế nói trên phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện quản lý, khả năng của cơ quan thuế và sự chuẩn bị đồng bộ các điều kiện khác để thực thi chính sách thuế đánh vào tài sản.

3.4. Các giải pháp điều kiện thực hiện đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam

Các chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam được xây dựng nêu trên sẽ được triển khai thực hiện tốt nếu đảm bảo đầy đủ các điều kiện và thực hiện được các giải pháp cụ thể sau đây:

Thứ nhất: Hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến tài sản, quản lý tài sản, sở hữu và sử dụng tài sản.

Thứ hai: Thực hiện việc điều tra, khảo sát, thống kê về đất đai, nhà ở, vật kiến trúc trên đất và các tài sản có giá trị lớn trên phạm vi toàn quốc.

Thứ ba: Thành lập các trung tâm định giá tài sản ở các địa phương.

Thứ tư: Hoàn thiện các sắc thuế khác trong hệ thống thuế, nhất là các sắc thuế thu nhập, đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán trong hệ thống thuế.

Thứ năm: Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế của cơ quan thuế

Thứ sáu: Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ đối tượng nộp thuế, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế của người dân và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện tốt nghĩa vụ của mình.

KẾT LUẬN

Đề tài luận án “*Hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam*” được hoàn thành nhằm nghiên cứu các nội dung lý luận và thực tiễn về thuế đánh vào tài sản, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam. Trong phạm vi nghiên cứu của mình, luận án đã thực hiện được các nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống các vấn đề lý luận về tài sản và thuế đánh vào tài sản, làm rõ cơ sở của việc đánh thuế vào tài sản và các đặc điểm, vai trò của thuế đánh vào tài sản.

Thứ hai, luận án đã chỉ ra được các vấn đề cần chú trọng khi nghiên cứu, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản như xác định các khả năng đánh thuế vào tài sản, các hình thức, yếu tố của thuế đánh vào tài sản và các nguyên tắc thiết lập. Đây là cơ sở lý luận quan trọng cho việc xây dựng và hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản.

Thứ ba, luận án đã nghiên cứu, xem xét cụ thể, chi tiết chính sách thuế liên quan đến tài sản ở Việt Nam hiện hành bao gồm các chính sách pháp luật về tài sản, quản lý tài sản, chính sách thuế và các khoản thu có tính chất thuế đánh vào tài sản. Qua đó, luận án đã có các đánh giá quan trọng về những mặt đã đạt được, những điểm còn hạn chế của chính sách thuế và các khoản thu có tính chất thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam hiện nay. Đây là các cơ sở thực tiễn cho việc hoàn thiện các chính sách thuế này.

Thứ tư, luận án đã tìm hiểu việc áp dụng các sắc thuế đánh vào tài sản ở một số quốc gia trên thế giới bao gồm Pháp, Indonesia và Đài Loan. Tuy ở mỗi quốc gia có một điều kiện khác nhau và chính sách thuế cũng không giống nhau nhưng qua việc nghiên cứu này, luận án đã rút ra được những bài học kinh nghiệm quan trọng cần tham khảo cho quá trình đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam.

Thứ năm, luận án đã đề xuất 4 giải pháp đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam trên cơ sở các nội dung lý luận, thực tiễn đã phân tích và điều kiện kinh tế - xã hội ở Việt Nam trong quá trình hội nhập và phát triển phù hợp với quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước. Theo luận án, việc đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam là ban hành, hoàn thiện bốn sắc thuế gồm thuế đăng ký tài sản, thuế sử dụng đất, thuế nhà và thuế phương tiện giao thông. Luận án cũng đã đưa ra các phương án, phân tích, lý giải, lựa chọn và đề xuất các ý kiến cho việc xây dựng các nội dung cụ thể của từng sắc thuế.

Thứ sáu, luận án cũng đã chỉ ra các giải pháp điều kiện để thực hiện thành công các giải pháp đổi mới, hoàn thiện chính sách thuế nói trên.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Đinh Chiến, Minh Tâm (2003), “Góp ý thêm về chiến lược cải cách thuế”, *Thuế Nhà nước*, (Số tháng 5), tr 24 - 25.
2. Nguyễn Đình Chiến (2005), “Xây dựng chính sách thuế đánh vào tài sản ở Việt Nam thời gian tới”, *Nghiên cứu Tài chính Kế toán*, (1/18), tr 22 - 24.
3. Nguyễn Đình Chiến (2005), “Sửa đổi và hoàn thiện lệ phí trước bạ theo hướng nào?”, *Thuế Nhà nước*, (Kỳ 1 tháng 3), tr 9 - 11.
4. Nguyễn Đình Chiến (2006), “Thuế tài sản và khả năng áp dụng ở Việt Nam”, *Thuế Nhà nước*, (Kỳ 2 tháng 12), tr 10 - 12.
5. Nguyễn Đình Chiến (2006) “Một số ý kiến về xây dựng Luật thuế sử dụng đất ở Việt Nam thời gian tới”, *Nghiên cứu Tài chính kế toán*, (12/41), tr 47 - 49 & tr 56.